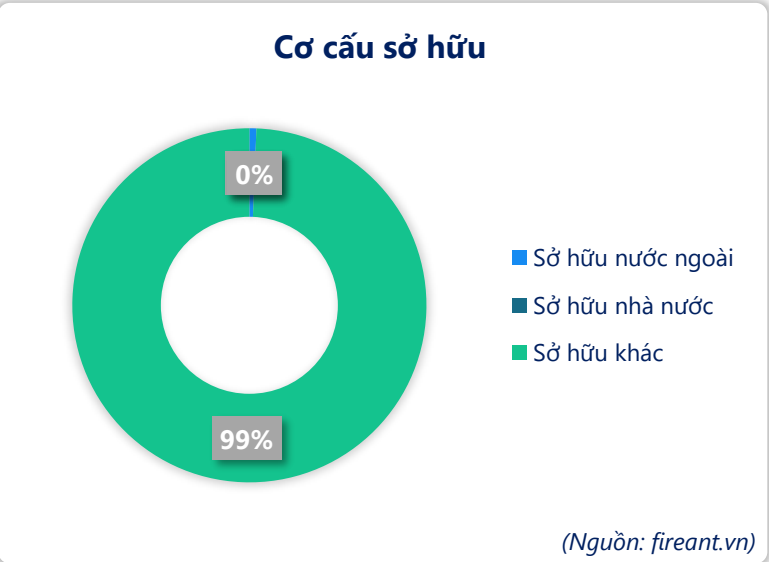
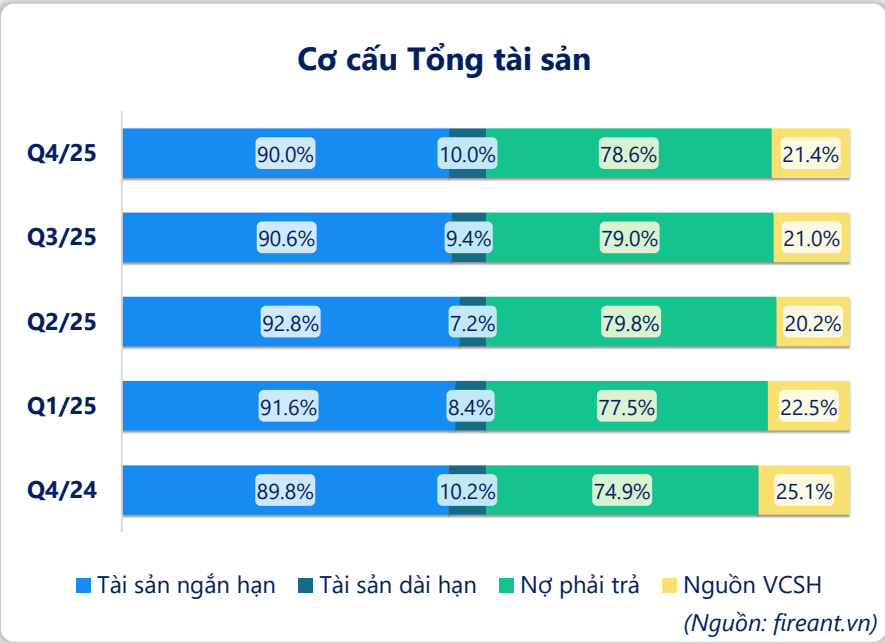
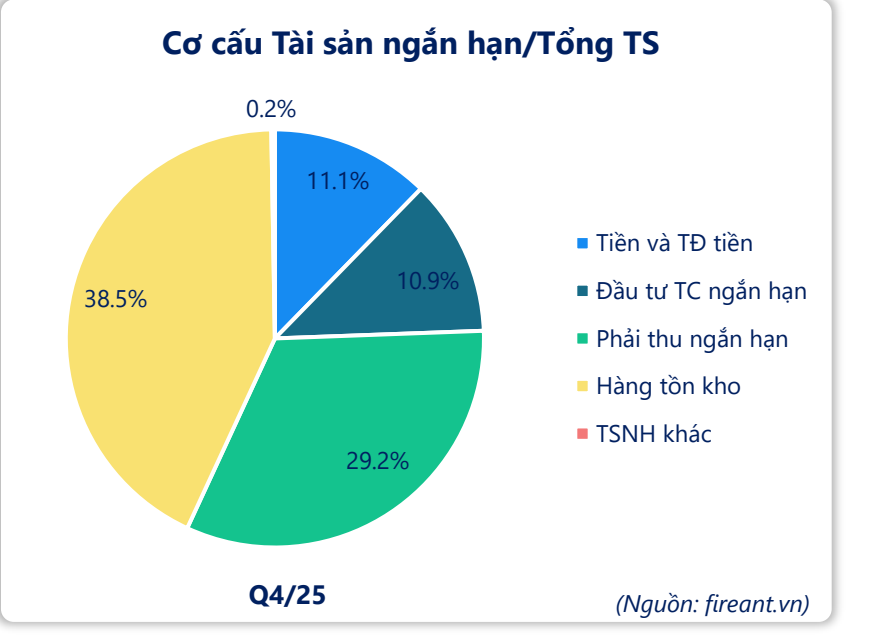
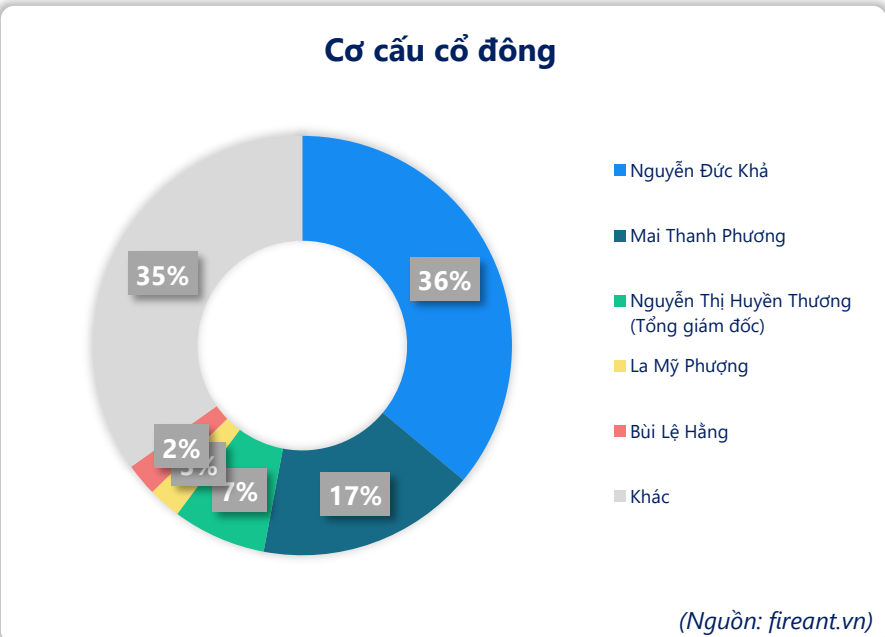
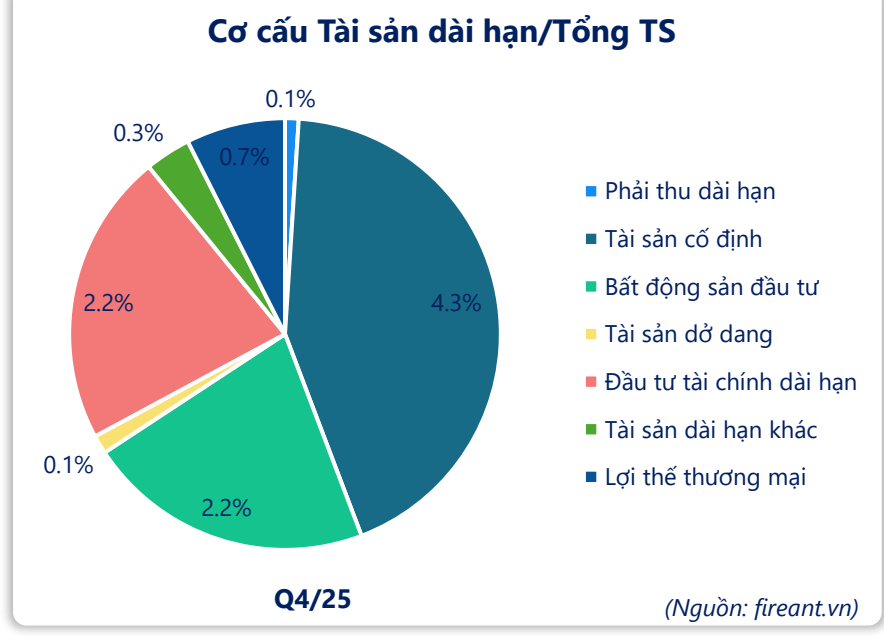
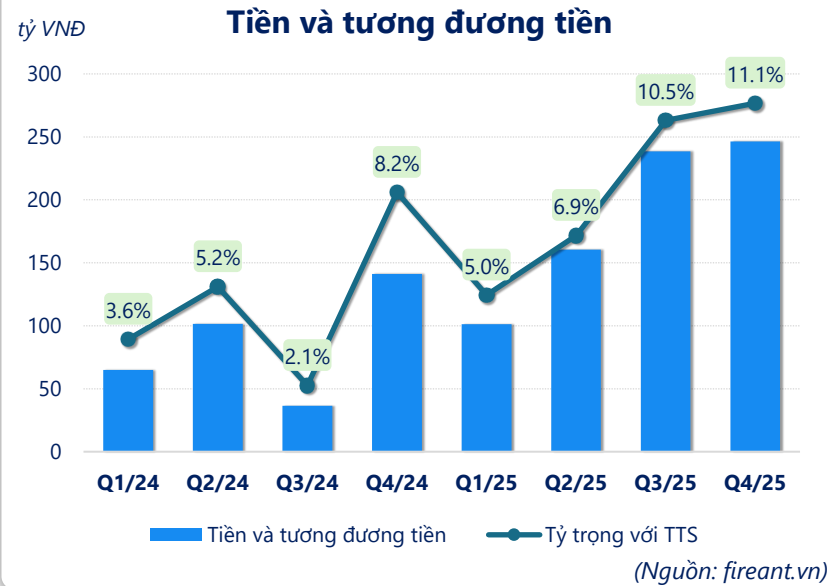
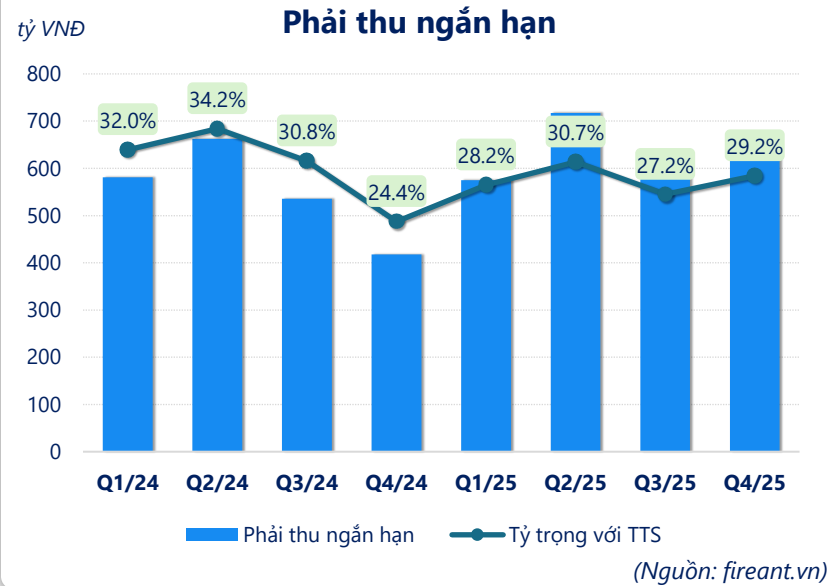
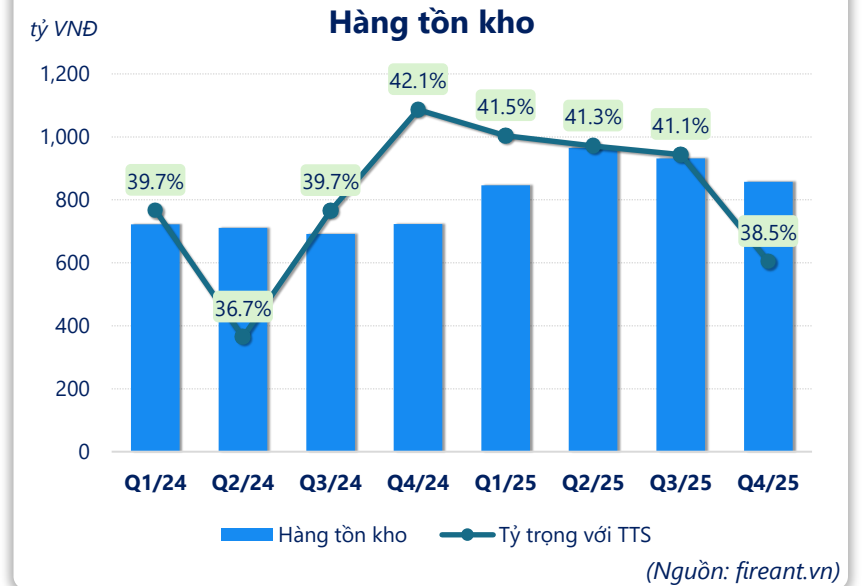
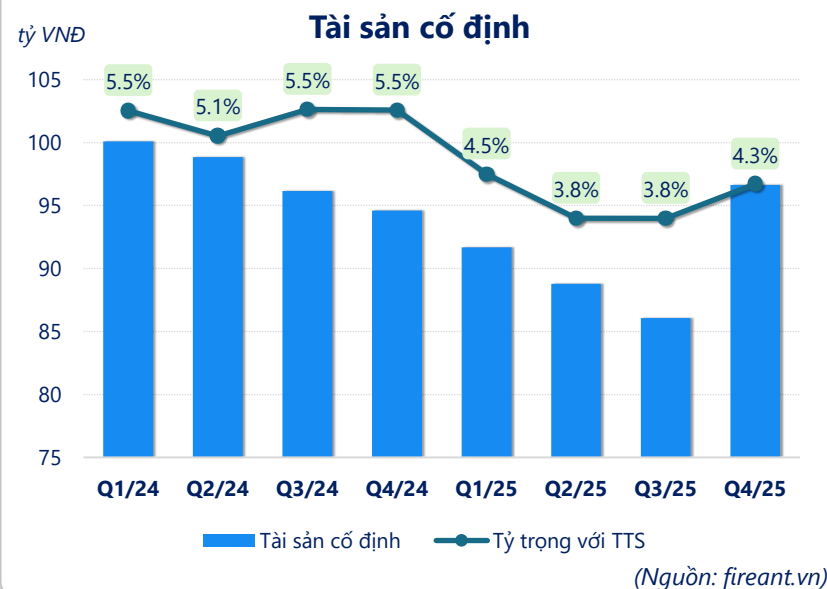
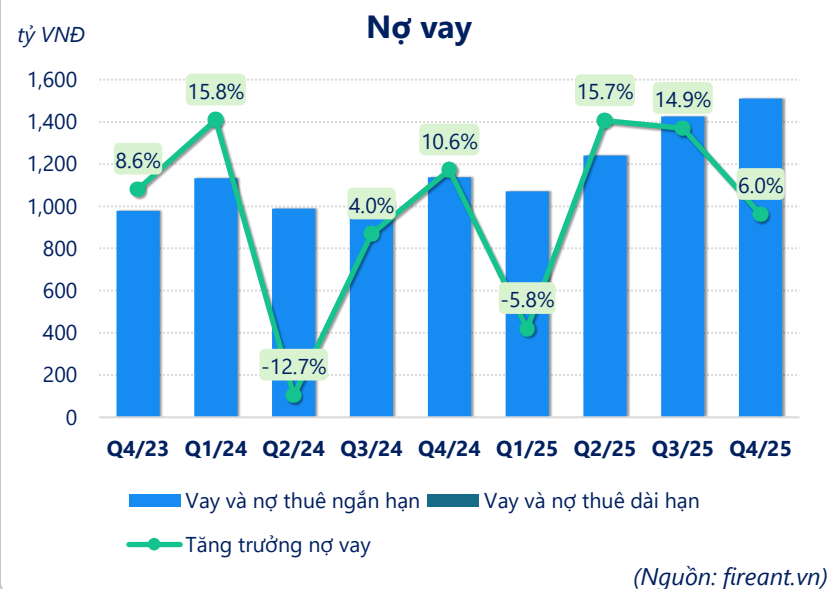
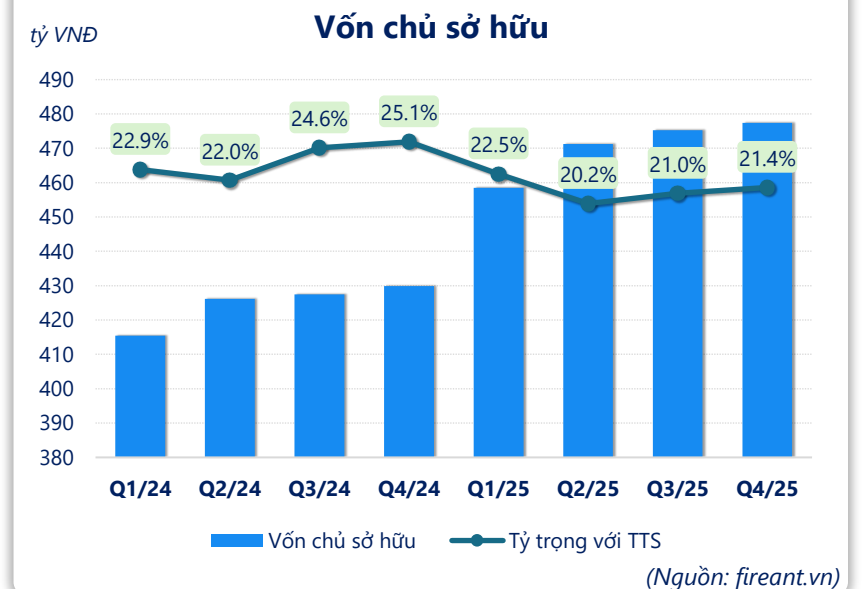
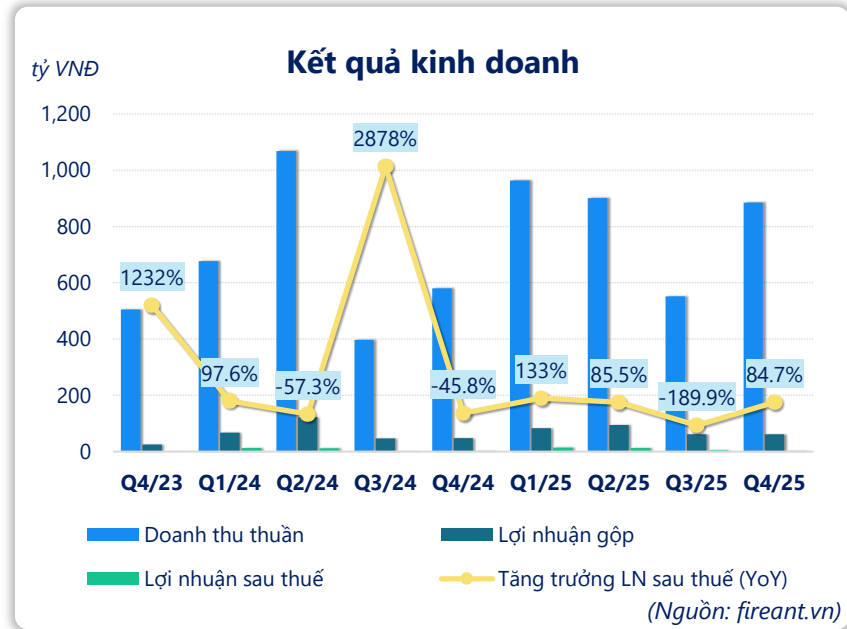
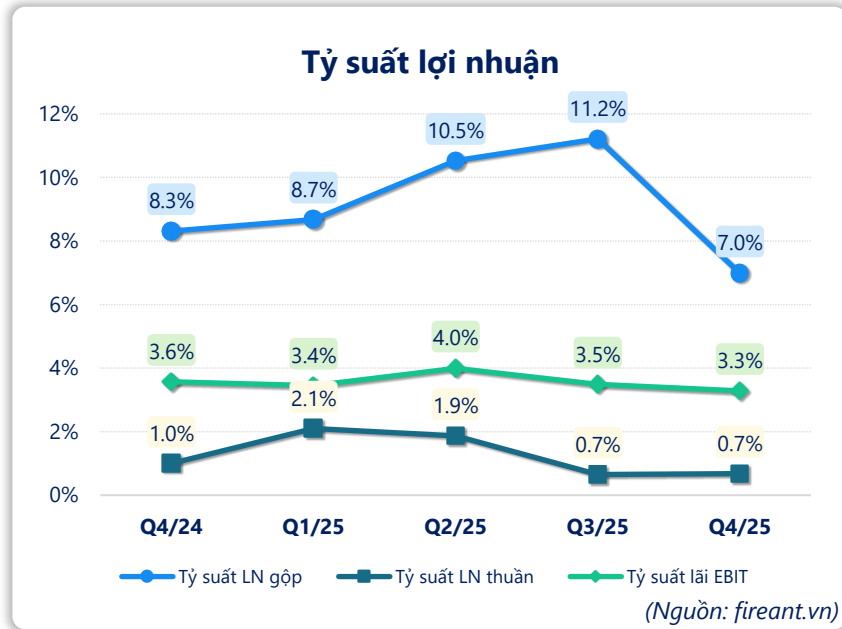
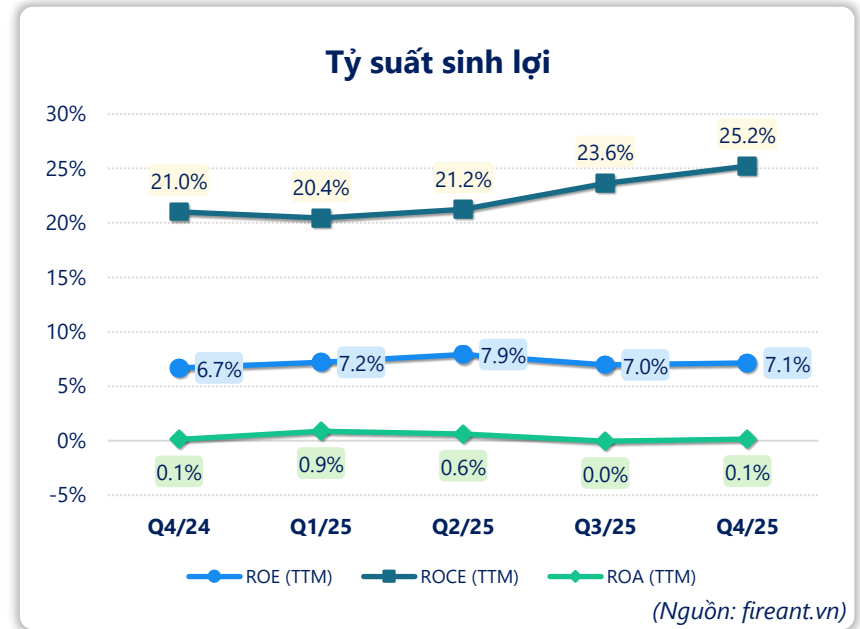
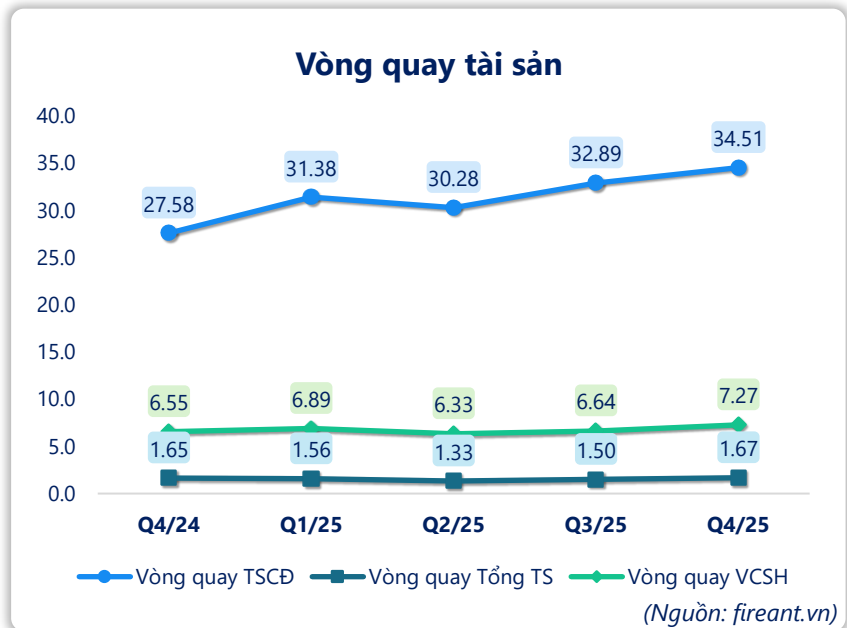
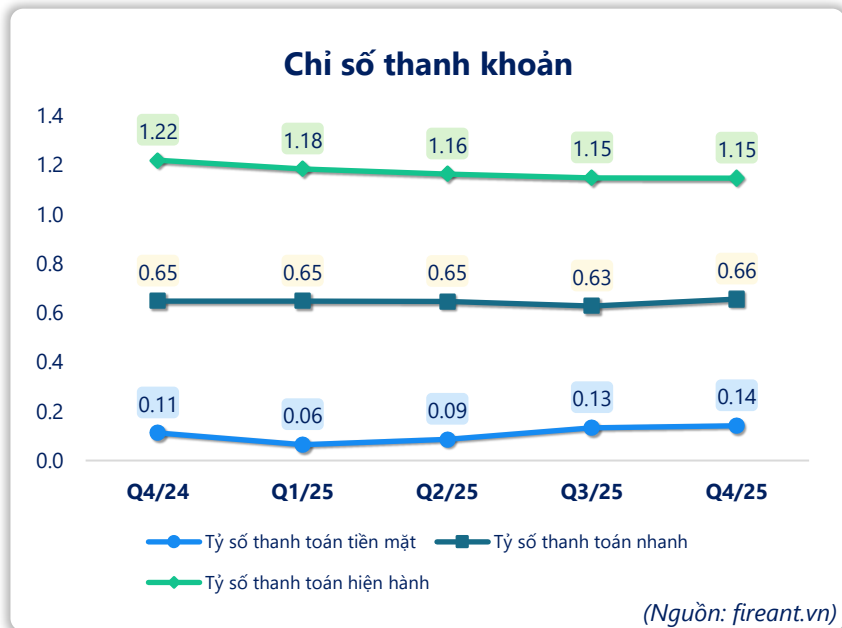
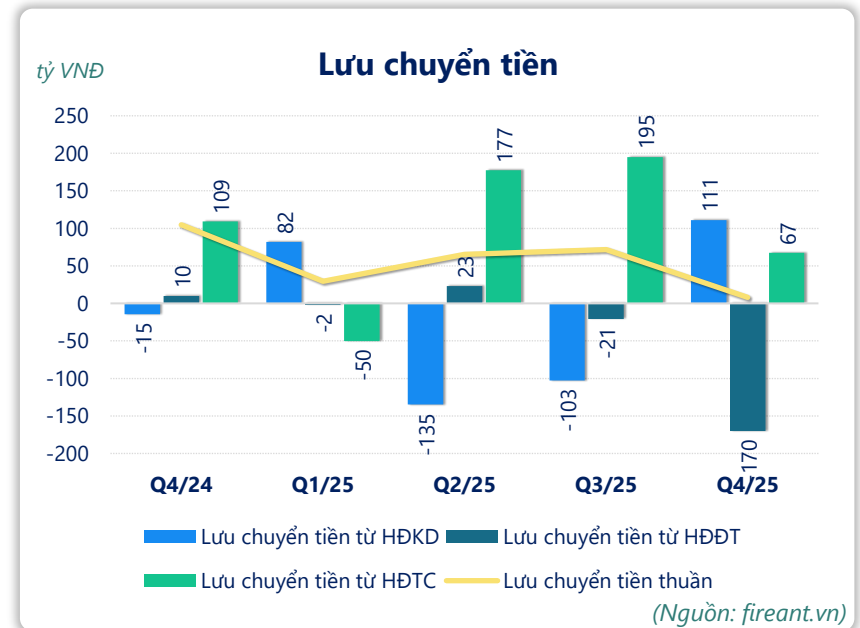


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		38,620,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)		137,020
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		317
P/E		9.8
EPS		838

	YTD	1T	3T	6T
NAG	-18.5%	0.0%	-37.9%	-38.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,226	1,805	23.3%
Tài sản ngắn hạn	2,003	1,632	22.7%
Tiền và tương đương tiền	246	71.6	244%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	243	327	-25.7%
Phải thu ngắn hạn	650	486	33.7%
Hàng tồn kho	858	739	16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.53	8.40	-34.2%
Tài sản dài hạn	224	173	29.4%
Phải thu dài hạn	2.28	2.17	5.2%
Tài sản cố định	96.6	94.4	2.3%
Bất động sản đầu tư	48.1	0	
Tài sản dở dang	3.10	0.19	1501%
Đầu tư tài chính dài hạn	49.2	48.1	2.1%
Tài sản dài hạn khác	7.69	8.00	-3.9%
Lợi thế thương mại	16.6	19.9	-16.4%
Nợ phải trả	1,749	1,376	27.1%
Nợ ngắn hạn	1,746	1,375	27.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,511	1,137	32.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	167	182	-8.2%
Nợ dài hạn	2.43	1.49	62.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	477	429	11.3%
Vốn chủ sở hữu	477	429	11.3%
Vốn điều lệ	386	342	13.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	581	963	900	552	885
Giá vốn hàng bán	532	879	806	490	823
Lợi nhuận gộp	48.3	83.6	94.7	61.9	61.8
Doanh thu HĐTC	10.3	1.40	5.24	1.63	12.3
Chi phí TC	21.2	18.5	29.1	19.6	29.2
Chi phí lãi vay	18.1	13.5	19.4	16.1	25.3
LN trong công ty LKLD	2.90	0.65	0.17	0.07	0.14
Chi phí bán hàng	31.6	36.6	42.4	29.0	27.3
Chi phí QLDN	2.92	10.4	11.9	11.3	11.7
LN thuần từ HĐKD	5.79	20.2	16.8	3.60	6.01
Lợi nhuận khác	-3.18	-0.50	-0.23	-0.42	-2.22
LN trước thuế	2.61	19.7	16.6	3.18	3.79
Lợi nhuận sau thuế	2.34	13.7	12.7	4.48	2.37
LNST của CĐ cty mẹ	1.89	16.8	13.5	-0.80	2.80

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.6	81.7	-135	-103	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.0	-1.90	22.9	-20.7	-170
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	109	-50.2	177	195	67.2
Tiền đầu kỳ	36.5	71.6	101	167	238
Lưu chuyển tiền thuần	105	29.6	65.4	71.7	7.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	141	101	167	238	246

(Nguồn: fireant.vn)